

DANH SÁCH KHÔNG ĐẠT TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 Năm học: 2025-2026  
Đại học VLVH\_liên thông Cao Đẳng, ngành , khóa 2023 - 2025  
ngày ; Lớp 23LC10(2); Mã TC: TN23LC10(2)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 150  
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

| STT | Mã SV    | Họ và tên        | Tên lớp    | STC | TBTL | Mã MHBB    | Tên môn học                          | TC | BBTC | NHHK           | ĐTK |
|-----|----------|------------------|------------|-----|------|------------|--------------------------------------|----|------|----------------|-----|
| 1   | 23810082 | HUỖNH THỊ HUỆ AN | 23LC10LTT2 | 147 | 7.24 | INPR130285 | Nhập môn lập trình                   | 3  |      | 2023-2024-HK01 | 4.8 |
| 2   | 23810085 | TRẦM TUẦN ĐẠT    | 23LC10LTT2 | 144 | 7.01 | EEEN234162 | Điện tử căn bản                      | 3  |      | 2023-2024-HK02 | 3.0 |
|     |          |                  |            |     |      | MATH132401 | Toán 1                               | 3  |      | 2023-2024-HK01 | 4.8 |
| 3   | 23810089 | PHAN QUANG HÙNG  | 23LC10LTT2 | 131 | 7.41 | INPR130285 | Nhập môn lập trình                   | 3  |      | 2023-2024-HK01 | 4.0 |
|     |          |                  |            |     |      | MATH132401 | Toán 1                               | 3  |      | 2023-2024-HK01 | 4.1 |
|     |          |                  |            |     |      | MATH132901 | Xác suất thống kê ứng dụng           | 3  |      | 2023-2024-HK02 | 0.0 |
|     |          |                  |            |     |      | MATH143001 | Đại số tuyến tính và cấu trúc đại số | 4  |      | 2023-2024-HK02 | 0.0 |
|     |          |                  |            |     |      | OOPR230279 | Lập trình hướng đối tượng            | 3  |      | 2023-2024-HK02 | 0.0 |
|     |          |                  |            |     |      | 02         | Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị     |    | 02   |                |     |
| 4   | 23810091 | NGUYỄN ANH KHUÊ  | 23LC10LTT2 | 147 | 6.89 | INPR130285 | Nhập môn lập trình                   | 3  |      | 2023-2024-HK01 | 2.3 |

| STT | Mã SV    | Họ và tên          | Tên lớp    | STC | TBTL | Mã MHBB    | Tên môn học                      | TC | BBTC | NHHK           | ĐTK |
|-----|----------|--------------------|------------|-----|------|------------|----------------------------------|----|------|----------------|-----|
| 5   | 23610015 | NGUYỄN PHƯỚC THẮNG | 23LC10LTT2 | 147 | 7.29 | EEEN234162 | Điện tử căn bản                  | 3  |      | 2023-2024-HK02 | 3.5 |
| 6   | 23810097 | MAI QUỐC TRIỆU     | 23LC10LTT2 | 148 | 6.90 | INPR130285 | Nhập môn lập trình               | 3  |      | 2025-2026-HK01 | 4.3 |
| 7   | 23810100 | TRẦN QUANG VĨ      | 23LC10LTT2 | 141 | 7.15 | EEEN234162 | Điện tử căn bản                  | 3  |      | 2023-2024-HK02 | 2.5 |
|     |          |                    |            |     |      | 01         | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật   |    | 01   |                |     |
|     |          |                    |            |     |      | 02         | Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị |    | 02   |                |     |

**Ghi chú: BBTC = Tổ hợp nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được**

|                                    |                                  |   |
|------------------------------------|----------------------------------|---|
| Cấu trúc dữ liệu và giải thuật :   | 3 TC (Min)                       |   |
| DASA230179                         | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật   | 3 |
| WESE331479                         | Bảo mật web                      | 3 |
| Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị : | 3 TC (Min)                       |   |
| DIGR230485                         | Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị | 3 |
| DIGR240485                         | Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị | 4 |